

Bản án số: 270/2023/HS-PT
Ngày: 10-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 653/2022/TLPT- HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Quốc D (Cường Em) do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2023/QĐXXPT-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Quốc D (**Cường Em**), sinh ngày 13/5/1992; Nơi ĐKNKTT: tổ C, khóm D, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; Vợ: Phan Thị Diễm D1, sinh năm 1996; Có 03 người lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/7/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp, thời hạn chấp hành 12 tháng, chấp hành xong ngày 20/4/2021; Tạm giữ ngày 17/7/2021; Tạm giam ngày 20/7/2021; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt).

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo: Luật sư Vũ Thanh H – thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc D là người nghiện ma túy nhiều năm. Ngày 10/7/2020, D bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh ra Quyết định số 40/2020/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở điều trị nghiện bắt buộc tỉnh Đồng Tháp, thời hạn chấp hành 12 tháng. Ngày 20/4/2021 D chấp hành xong nhưng không biết ăn năn hối cải mà tiếp tục sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy.

Theo D khai nhận, trong khoảng thời gian cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp, D có quen biết một người tên T1 (không rõ họ tên, quê ở thành phố S). Qua tiếp xúc nói chuyện, T1 nói cho D nghe “có quen biết một người tên T2 ở TP H có số điện thoại 0793882768 có bán ma túy đá, sau khi ra ngoài có nhu cầu thì liên hệ để mua”. Nghe T1 nói vậy nên D lưu lại số điện thoại của T2.

Sau khi cai nghiện xong, D trở về địa phương sinh sống do không có việc làm ổn định, D tiếp tục nghiện ma túy. Để có tiền tiêu xài cá nhân và có ma túy sử dụng, D nảy sinh ý định mua ma túy với số lượng lớn đem về bán lại kiếm lời. Từ đó, D dùng điện thoại di động có số thuê bao của mình 0706677889 gọi vào số thuê bao của T2 0793882768, D hỏi để mua ma túy. Qua nói chuyện T2 đồng ý bán ma túy cho D và thỏa thuận giá bán ma túy cho D là 35.000.000 đồng/100gam, nếu D mua trên 100gam thì T2 bán bớt xuống giá chỉ còn 32.000.000 đồng/100gam. D đồng ý nên T2 đưa cho D số tài khoản 31510000848541 có tên Võ Tấn L mở tại Ngân hàng TMCP Đ (B) chi nhánh Quận P - TP H, để D chuyển tiền mua ma túy cho T2 thông qua tài khoản này. Còn T2 sau khi nhận được tiền sẽ gửi ma túy về cho D tại nhà X, đường V, khóm B, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp để D đến nhận. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/6/2021 đến ngày 16/7/2021 D mua ma túy của T2 nhiều lần, lần ít nhất khoảng 50gam, nhiều nhất khoảng 300gam. D đem ma túy về nhà phân lẻ ra thành nhiều bịch nhỏ để bán lại cho những người nghiện ma túy sử dụng, giá mỗi bịch ma túy bán ra từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng, số ma túy còn lại D cất giữ để sử dụng.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/7/2021, D điện thoại cho T2 thông qua Z có tên “Suca”, T2 nghe máy nên hỏi D “mua bao nhiêu”, D nói “anh gửi nhiều nhiều vì dạo này dịch bệnh đi lại khó khăn”. D hỏi mua khoảng 300gam ma túy với số tiền 96.000.000 đồng. Ngoài ra D còn đặt mua thêm 20 cái nỏ thủy tinh và 20 cái bình thủy tinh giá 1.500.000 đồng (96.000.000 đồng + 1.500.000 đồng = 97.500.000 đồng) là các dụng cụ để sử dụng ma túy đá, mục đích để tặng cho những người mua ma túy của D để họ sử dụng. D nói với T2 chuyển này cho D gói đầu, khi nào bán được ma túy có tiền D sẽ chuyển tiền trả cho T2 sau. T2 đồng ý bán ma túy cho D nên D đến cửa hàng Viettel của chị Lê Thị L1 ở gần nhà D chuyển tiền qua số tài khoản 31510000848541 có tên Võ Tấn L cho T2 trước 10.800.000 đồng tiền đặt cọc mua ma túy; còn thiếu 86.700.000 đồng (97.500.000 đồng - 10.800.000 đồng). Lần này D sợ bị Công an phát hiện bắt D nên nhắn tin

cho T2, cho số thuê bao điện thoại 0343833897 và tên của Hồ Thị Q, sinh năm 1996, nhà ở đối diện cách nhà D khoảng 5m để T2 ghi số điện thoại và tên của Q lên thùng hàng có chứa ma túy và bình dụng cụ sử dụng ma túy gửi về cho D. Khi hàng gửi đến nhà xe Kim C thì D nhờ Q ra nhà xe Kim C nhận ma túy thay cho D nhằm tránh sự phát hiện của Công an.

Khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày, D dùng số điện thoại 0788699909 gọi vào số máy của Quyển 0343883897, D nói dối “anh có cục hàng ở thành phố Hồ Chí Minh gửi về nhà xe Kim Cương em đến nhận giùm anh nhe” nhưng D không nói rõ cho Q biết gói hàng có chứa gì nên Q nhắn tin lại hỏi D “gói hàng ghi tên của ai và số điện thoại tên của ai”. D đọc tin nhắn xong thì gọi điện thoại lại cho Q nói “tên em và số điện thoại của em” Quyển nói “nhà xe chưa có gọi cho em” D nói “khi nào nhà xe gọi em đi nhận giùm anh” Q đồng ý và không nói gì.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, T2 gọi qua Z cho D nói đã gửi ma túy cho D rồi và kêu D đón nhận. Đồng thời ngay lúc này D điện thoại hỏi Q “có lấy hàng giùm cho anh chưa” Quyển trả lời “nhà xe chưa điện cho em” D nói “để anh gọi cho nhà xe xem có hàng chưa”. Khoảng 5 phút sau D gọi lại cho Q nói “hàng chưa về tới, em đi ngủ đi sáng có gọi thì lấy giùm anh”.

Khoảng 09 giờ ngày 17/7/2021, nhà xe Kim C dùng số điện thoại 02776257878 kêu Quyển đến nhận hàng. Khoảng 11 giờ cùng ngày Q mượn xe mô tô hiệu Wave màu trắng, mang Biển Số: 66P1-75704 của Hồ Thị Mỹ L2 là bà con bạn dì ruột, Q nói cho mượn xe ra chợ nên L2 đồng ý cho mượn xe. Quyển lấy xe điều khiển đến nhà xe Kim C tại số B, đường V, khóm B, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp để nhận gói hàng giùm cho D có đặc điểm 01 thùng giấy, màu trắng đen đã được dán kín, bên ngoài có ghi dòng chữ “người nhận tên Q và số điện thoại của Q 0343883897” nên Q nhận gói hàng, mang ra để lên trên бага xe định đi về. Ngay lúc này Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Đ phối hợp cùng Công an thành phố C và Công an phường B1, thành phố C đi tuần tra An ninh trật tự về Công tác phòng, chống dịch Covid-19 thấy Q có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra thùng giấy thì phát hiện có chứa hàng hóa nghi là ma túy. Lực lượng Công an tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hồ Thị Q và thu giữ niêm phong vật chứng theo quy định pháp luật để điều tra làm rõ gồm:

- + 01 gói nilon màu xanh, bên trong có 01 áo khoác bằng da màu đen, trong túi áo khoác bên trái, có 01 bọc nylon dạng nắp kẹp có viền màu đỏ, bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy.

- + 03 chai nhựa ghi chữ AQUAFINA, bên trong có chứa dung dịch dạng nước, màu đỏ.

- + 01 bọc nylon màu đen bên trong có 01 hộp giấy màu trắng xanh, bên trong hộp giấy này có chứa 20 cái bình thủy tinh tự chế và 20 cái nỏ thủy tinh (dụng cụ dùng để sử dụng ma túy).

+ Tạm giữ của Q 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu dán keo ốp lưng màu hồng, số thuê bao sim 1 là 0924372143 và sim 2 là 0343883897.

+ Tiền Việt Nam: 900.000 đồng.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu trắng, mang biển số: 66P1 – 75704. Có sự chứng kiến của anh Huỳnh Hữu L3 sinh năm 1978 ngụ: ấp A, xã A, huyện C, nhân viên nhà xe Kim C và ông Nguyễn Văn C1 sinh năm 1958 ngụ: khóm B, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Tại Bản kết luận giám định số 716/KL-KTHS ngày 19/7/2021 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận; Tinh thể rắn chứa trong 01 bịch nylon dạng nắp kẹp một đầu kẹp kín được niêm phong số 02 trong hộp giấy màu trắng xanh gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 299,49 gam, loại Methamphetamine (số thứ tự 323 Danh mục II, Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ). Còn dung dịch chất lỏng màu đỏ chứa trong 03 chai nhựa nhãn hiệu AQUAFINA loại 500ml, được niêm phong số 01 trong hộp giấy màu hồng trắng gửi giám định đều không phát hiện thành phần các chất ma túy và tiền chất ma túy thường gặp, có tổng thể tích là 1593 mililit.

- Kết quả thực nghiệm điều tra lập lúc 14 giờ ngày 15/9/2021 (có người chứng kiến): Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ đã cho Trần Văn T3, sinh năm 1996 ngụ tổ B, ấp A, xã M, thành phố C là người sử dụng ma túy bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường trình bày các dụng cụ cần thiết cho việc sử dụng trái phép chất ma túy và mô tả diễn lại hành vi sử dụng bình dụng cụ để sử dụng ma túy đá. Kết quả cho thấy nỗ lực tinh và bình thủy tinh là dụng cụ chuyên dùng vào việc sử dụng ma túy.

Tại Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Q trình bày đến nhà xe Kim C nhận đồ giùm cho D ở gần nhà, Q không biết bên trong gói hàng của D có chứa chất ma túy. Qua nội dung Q trình bày, cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ tiến hành khám xét và giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Quốc D ngụ: số 73, tổ C, khóm D, phường D, thành phố C. Việc khám xét phát hiện thu giữ:

+ 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá bằng thủy tinh; 01 cây kéo bằng kim loại màu bạc; 01 bình gas màu đen; 03 hộp quẹt gas màu vàng và 01 quẹt gas màu đỏ;

+ 01 Điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số thuê bao sim 1 là 0788699909; sim 2 là 0898789992.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng hồng, số thuê bao 0806677889. Có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1967; ngụ tại khóm D, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Kết quả Test nhanh xác định tình trạng nghiệm ma túy đối với Nguyễn Quốc D thể hiện D dương tính ma túy loại Methamphetamine.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Quốc D thừa nhận mình có hành vi nói dối, lợi dụng lòng tin nhờ Q ra nhà xe Kim C nhận nón và áo khoác mang về giùm cho D để Q tin tưởng đi nhận ma túy cùng nỗ và bình thủy tinh sử dụng ma túy thay cho D nhằm tránh sự phát hiện của Công an. Quyển hoàn toàn không biết D mua ma túy do T2 bán để bán lại cho người khác kiếm lời.

Ngoài ra, D còn tự thừa nhận: Ngoài lần bị bắt quả tang ngày 17/7/2021, trước đó từ ngày 10/6/2021 đến ngày 16/7/2021 D đã mua ma túy do T2 bán trót lọt khoảng 06 lần nhưng D không nhớ rõ ngày tháng mua và mỗi lần mua ít nhất 50gam, nhiều nhất 300gam, trong đó D đã xác nhận chuyển tiền nhanh qua dịch vụ V pay 26 lần vào số tài khoản 31510000848541 có tên Võ Tấn L cho T2 với tổng số tiền 605.000.000 đồng để mua ma túy do T2 bán (trong đó có 10.800.000 đồng tiền đặt cọc mua ma túy của lần bị bắt quả tang). D còn tự thừa nhận tiền bán ma túy thu lợi bất chính cho nhiều người được 20% trên tổng số tiền trên. Như vậy D đã thu lợi bất chính với tổng số tiền là $594.200.000 \text{ đồng} \times 20\% = 118.840.000 \text{ đồng}$. D chỉ nhớ được bán trái phép chất ma túy cho Lê Văn D2, Lê Long H2, Nguyễn Thị Xuân N1 và nhiều người không rõ lai lịch.

Qua xác minh các đối tượng D2, H2, N1 đều thừa nhận có tham gia mua ma túy do D2 bán để sử dụng, cụ thể như sau:

1. Lê Văn D2 (Cóc Chữa), sinh năm 1999; ngụ tại tổ F, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Do có quen biết D2 từ trước, khoảng giữa tháng 5/2021 đến ngày 14/7/2021, Văn D2 đã nhiều lần đến nhà mua ma túy của Quốc D, thời gian cụ thể không nhớ; mỗi lần mua 01 bịch ma túy đá với giá từ 200.000 đồng đến 600.000 đồng.

2. Lê Long H2, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: khóm P, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Tạm trú tại phòng số 5, nhà T, thuộc khóm B, phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Do có quen biết D từ trước, ngày 14/7/2021 H2 đến nhà D mua 01 bịch ma túy đá giá 500.000 đồng đem về nhà sử dụng.

3. Nguyễn Thị Xuân N1 (Ngọc D3), sinh năm 1986; ngụ tại khóm A, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Do có quen biết D từ trước, ngày 15/7/2021 Ngọc hẹn D mua 01 bịch ma túy đá giá 300.000 đồng. D giao ma túy cho N1 tại cầu G ba khía đá thuộc phường D, thành phố C.

Kết quả nhận dạng qua hình ảnh: D, H2, N1 đã chỉ ra ảnh Nguyễn Quốc D. tên thường gọi “Cường Em” là người bán ma túy đá. D, H2, N1 nhớ được đặc điểm vì đã từng gặp D mua ma túy đá đem về sử dụng.

Qua điều tra xác minh ghi lời khai Hồ Thị Q thừa nhận vào ngày 17/7/2021 có đi nhận 01 gói hàng giùm cho D. Bên trong có chứa ma túy tại nhà xe K1 thì bị Công an bắt quả tang. Nhưng bản thân Q hoàn toàn không biết bên trong gói hàng có chứa ma túy, vì khi D nhờ Q đi nhận gói hàng giùm thì D nói dối là nhận nón và áo khoác. Quyển tin tưởng nhận lời đến nhà xe Kim C nhận hàng giúp D. Quyển hoàn toàn không biết trong gói hàng có chứa chất ma túy do D đặt mua của T2 từ thành phố Hồ Chí Minh gửi về. Hơn nữa Q nghĩ rằng nhà xe Kim C đã

kiểm tra hàng rồi nên Q an tâm nhận hàng cho D. Việc D dùng số điện thoại 0343883897 và tên của Q nhắn tin cho T2 để T2 viết số điện thoại và tên của Q lên thùng giấy có chứa ma túy gửi về nhà xe Kim C cho D, Q hoàn toàn không biết, vì trước đó D giấu không nói cho Q biết. Cho đến khi Q nhận lời đi lấy hàng giùm cho D thì Q hỏi để tên ai nhận hàng, D mới nói ghi tên và số điện thoại của Q. Ngoài ra Q còn khai nhận trước ngày bị bắt quả tang khoảng nửa tháng, D cũng đến nhờ Q nhận hàng giùm D khoảng 02 lần tại nhà xe Kim C, sau đó D có cho Q 600.000 đồng, Q thấy tiền nhiều nên không nhận, D nói “có gì mai mốt đi nhận hàng giùm anh khỏi cho tiền thêm” nghe D nói vậy nên Q nhận tiền. Hiện Q đã tự nguyện giao nộp 600.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Qua đối chất giữa D và Q, D khai nhận do sợ bị Công an phát hiện nên lợi dụng lòng tin Q là người ở xóm, D nói dối nhờ Q đi nhận nón và áo khoác giùm cho D nhằm tránh sự phát hiện của Công an. Thực chất Q hoàn toàn không biết bên trong gói hàng có chứa ma túy mà D mua của T2. Qua điều tra cũng đã làm việc với D, H2, N1 là những người mua ma túy do D bán, cho nhận dạng qua hình ảnh nhưng hoàn toàn không biết Q. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa phương về nhân thân lai lịch đối với Q được biết từ trước đến nay Quyền hoàn toàn không có liên quan đến việc sử dụng hay mua bán trái phép chất ma túy cùng với D. Qua kiểm tra dữ liệu điện thoại di động của Q, Cơ quan điều tra không phát hiện cuộc gọi đi và cuộc đến của Q có liên hệ gì đến việc mua bán ma túy cùng với T2. Do đó Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý Q về hành vi đồng phạm cùng với D trong việc mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với người có tên T2 bán ma túy cho D, do D khai không rõ nhân thân lai lịch, không biết địa chỉ cụ thể rõ ràng nên Cơ quan điều tra không mời làm việc được. Nhưng khi giao dịch mua bán ma túy D có chuyển tiền vào số tài khoản 31510000848541 có tên Võ Tấn L do T2 đưa. Ngày 24/9/2021 qua xác minh tại Ngân hàng TMCP Đ1 chi nhánh Quận P, thành phố Hồ Chí Minh có tên chủ tài khoản Võ Tấn L sinh năm 1976 ngụ số C, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 02/11/2021, Cơ quan điều tra xác minh tại địa phương có người tên Võ Tấn L nhưng đã bỏ địa phương đi từ năm 2017 đến nay đi đâu làm gì không rõ. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra khi nào làm rõ có căn cứ xử lý sau.

Đối với số thuê bao điện thoại 0793882768, D khai của T2 dùng để liên lạc giao dịch mua bán ma túy với D. Ngày 30/9/2021 Cơ quan điều tra gửi văn bản yêu cầu Tổng công ty V1 cung cấp họ tên địa chỉ chủ số thuê bao 0793882768. Qua xác minh được biết người đứng tên chủ số thuê bao 0793882768 là anh Bùi Văn H3 sinh năm 1985 ngụ tổ B, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, số CMND 201606384. Cơ quan điều tra xác minh tại địa phương không có người tên Bùi Văn H3 sinh năm 1985 ngụ tổ B, phường B, quận H, thành phố Đ nên không mời làm việc được và sẽ tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ có căn cứ xử lý sau.

Đối với số thuê bao điện thoại 0368912755 mà T2 sử dụng viết ghi trên thùng giấy có chứa ma túy và nỏ thủy tinh gửi về cho D mà Q đi nhận giùm tại

nhà xe K1 trong ngày bị bắt quả tang. Bên ngoài thùng giấy T2 có ghi dòng chữ với nội dung “N3, ĐT 0368912755 Cao Lãnh và N2 nhận Quyền ĐT 0343883897”. Qua xác minh được biết người đứng tên chủ sổ thuê bao 0368912755 là ông Hồ Văn M sinh năm 1968 ngụ ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang, có số CMND: 371979971. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa phương có người tên người Hồ Văn M nhưng năm 2019 M đã đi nước ngoài nên Cơ quan điều tra không mời làm việc được và sẽ tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ có căn cứ xử lý sau.

Đối với người có tên T1 nhà ở thành phố S giới thiệu tên T2 cho D để mua ma túy. Do D khai không rõ nhân thân lai lịch, không biết địa chỉ cụ thể rõ ràng. Mặt khác, ngày 06/01/2022 Cơ quan điều tra đã xác minh tại Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp nhưng không có người nào tên T1 quê ở thành phố S vào Cơ sở điều trị cai nghiện tỉnh Đồng Tháp nên Cơ quan điều tra không mời làm việc được và sẽ tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ có căn cứ xử lý sau.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2022/HS-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc D phạm các tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 20 (hai mươi) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 254; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 05 (năm) năm tù về tội “*Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy*”;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 25 (hai mươi lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D.

Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Quốc D nộp lại số tiền 713.040.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 8 năm 2022 bị cáo Nguyễn Quốc D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có vợ cũng đang chấp hành án 05 năm 06 tháng về tội “*Mua bán trái*

phép chất ma túy”, 3 con nhỏ chỉ trông vào một mình bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền mà Tòa án tỉnh Đồng Tháp buộc bị cáo nộp hơn 713 triệu đồng là không đúng. Bị cáo chỉ thu lợi từ việc buôn bán ma túy là 118 triệu đồng nên đây mới là số tiền cần phải tịch thu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt. Đối với kháng cáo về số tiền thu lợi bất chính, án sơ thẩm đã tuyên là chưa phù hợp do quá trình điều tra xác định bị cáo chỉ thu lợi bất chính số tiền hơn 118 triệu đồng (làm tròn). Do đó đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ tuyên buộc bị cáo nộp lại 118 triệu đồng tiền thu lợi bất chính, không buộc nộp lại số tiền bị cáo dùng để mua ma túy.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Xin đồng ý với quan điểm của Viện Kiểm sát về phần biện pháp tư pháp đối với số tiền thu lợi bất chính. Về chiếc điện thoại bị thu giữ, do đây không phải tài sản của bị cáo mà bị cáo mượn của người khác nên đề nghị tuyên trả lại cho chủ sở hữu. Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, mong Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất có thể, sớm trở về với gia đình.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc D còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, vật chứng thu giữ và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, lời khai người làm chứng, các chứng cứ thu thập được... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Bản thân bị cáo D là người nghiện ma túy nhiều năm, không có nghề nghiệp ổn định. Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và có ma túy để sử dụng, từ ngày 10/6/2021 đến ngày 16/7/2021, D đã nhiều lần mua ma túy của T2 (không rõ lai lịch) mang về nhà tại tổ C, khóm D, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, phân lẻ bán lại cho nhiều người khác để kiếm lời. D đã mua 06 lần ma túy với số tiền 594.200.000 đồng, bán cho 03 người nghiện ma túy và nhiều người khác để thu lợi bất chính số tiền 118.840.000 đồng. Ngày 17/7/2021, D tiếp tục mua 299,49gam loại Methamphetamine và 20 cái bình thủy tinh, 20 cái nỏ thủy tinh

dùng để sử dụng ma túy. D đã nói dối với Hồ Thị Q, nhờ Q ra nhà xe Kim C nhận giúp nón và áo khoác để Q tin tưởng đi nhận ma túy, tránh sự phát hiện của Công an nhưng bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Đ phối hợp cùng Công an B1 và Công an Thành phố C bắt phạm tội quả tang.

Từ đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 và tội “*Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm đ khoản 2 Điều 254 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Bị cáo là người đã trưởng thành, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy, tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm phạm pháp luật hình sự, là có tội nhưng vì muốn có tiền và ma túy sử dụng cho mục đích cá nhân mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, thể hiện sự coi thường pháp luật, đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ngăn chặn, đẩy lùi, xóa bỏ tệ nạn ma túy trong đời sống xã hội mà còn gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Từ những lẽ trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3.2] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, áp dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các tội mà bị cáo phạm phải, xử phạt bị cáo 20 (hai mươi) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, 05 (năm) năm tù về tội “*Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy*”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 25 (hai mươi lăm) năm tù là không nặng, phù hợp với tính chất, hành vi của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật. Nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3.3] Xét kháng cáo xem xét số tiền khắc phục mà Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp buộc bị cáo phải nộp lại là 713.040.000 đồng. Biên bản ghi lời khai của bị cáo thể hiện: Bị cáo bán chiếc xe moto của mình với giá 30.000.000 đồng làm vốn với mục đích mua ma túy về bán lại kiếm lời. Số tiền bán được bị cáo lại tiếp tục dùng để mua ma túy và bán lại cho những người khác với số tiền lãi là khoảng 20%. Dựa vào sao kê tài khoản ngân hàng mà D đã chuyển khoản để mua ma túy của T2 thì tổng số tiền mà bị cáo đã dùng để mua ma túy là 594.200.000 đồng (đã trừ đi 10.800.000 đồng tiền đặt cọc mua ma túy của lần bị bắt quả tang),

bị cáo bán thu lợi bất chính số tiền $594.200.000 * 20\% = 118.840.000$ đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm gộp tổng số tiền trên, bắt bị cáo nộp cả 594.200.000 đồng và coi như đây là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo cần khắc phục là không đúng. Cần phải chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xác định chính xác số tiền thu lợi bất chính cần tịch thu trong trường hợp này đối với bị cáo là 118.840.000 đồng.

Xét đề nghị của người bào chữa về phần biện pháp tư pháp đối với bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận; đối với phần trách nhiệm hình sự là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Quốc D không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc D về việc xin giảm nhẹ hình phạt; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2022/HS-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về hình phạt và tội danh.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc D về việc xem xét lại số tiền thu lợi bất chính. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2022/HS-ST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phần Biện pháp tư pháp.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc D phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm đ khoản 2 Điều 254; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 20 (hai mươi) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 05 (năm) năm tù về tội “*Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 25 (hai mươi lăm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D.

2. Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Quốc D nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 118.840.000 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Quốc D không phải nộp.
4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Lê Văn An